TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:12/2022/DS-ST
Ngày: 04-5-2022.
"V/v tranh chấp về dân sự - Hợp đồng hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Hai;

2. Ông Nguyễn Chí Công.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Huỳnh Phát Đạt - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Phan Bích Liễu – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 334/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2021, "V/v tranh chấp về dân sự - Hợp đồng hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-DS ngày 13/4/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị Bé B (Hai Ch), sinh năm1963.

Địa chỉ: Số 237A, ấp B, xã T, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 143/TLB, ấp B, xã T, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Võ Văn Bé E, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 143/TLB, ấp B, xã T, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà B, bà L và ông Bé E đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và

tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị Bé B trình bày: Trước đây, bà L có tham gia chơi hụi với tư cách là hụi viên do bà B làm chủ hụi cụ thể như sau:

+ Dây hụi thứ nhất: Hụi khui ngày 25/01/2019 âm lịch, giá hụi 5.000.000 đồng là hụi tháng, gồm có 28 phần, hụi khui một lần vào ngày 25 âm lịch hàng tháng, bà L tham gia chơi một phần. Bà L hốt hụi vào lần thứ 2 với số tiền 112.200.000 đồng (Một trăm mười hai triệu hai trăm nghìn đồng). Bà L đóng hụi chết đến lần thứ 25 thì còn nợ lại 03 lần chưa đóng với số tiền là 15.000.000 đồng. Chủ hụi hưởng huê hồng cho mỗi lần khui hụi là 2.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ hai: Hụi khui ngày 01/9/2019 âm lịch, giá hụi 10.000.000 đồng là hụi tháng, gồm có 20 phần, hụi khui một lần vào ngày 01 âm lịch hàng tháng, bà L tham gia chơi 01 phần. Bà L hốt hụi được 155.600.000 đồng. Sau đó, bà L đóng lại được 17 lần còn nợ lại 03 lần hụi nữa bà L chưa đóng với số tiền là 30.000.000 đồng. Chủ hụi hưởng huê hồng cho mỗi lần khui hụi là 4.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ ba: Hụi khui ngày 20/5/2020 âm lịch, giá hụi 5.000.000 đồng, một tháng khui một lần vào ngày 20 âm lịch hàng tháng, gồm có 26 phần, bà L tham gia chơi 01 phần. Bà L hốt hụi vào ngày 20/12/2020 với số tiền 102.000.000 đồng. Bà L đóng hụi đến lần thứ 08 thì không đóng nữa, còn nợ lại 18 lần chưa đóng với số tiền 90.000.000 đồng. Chủ hụi hưởng huê hồng cho mỗi lần khui hụi là 2.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ tư: Hụi khui ngày 01/4/2019 âm lịch, giá hụi 3.000.000 đồng một tháng khui một lần vào ngày 01 âm lịch hàng tháng, gồm có 30 phần, bà L tham gia chơi 02 phần. Bà L hốt hụi vào lần thứ 02 và lần thứ 05. Bà L đóng hụi đến lần thứ 22 thì không đóng nữa, còn nợ lại 08 lần chưa đóng của 02 phần hụi với số tiền 48.000.000 đồng. Chủ hụi hưởng huê hồng cho mỗi lần khui hụi là 1.200.000 đồng.

Tổng 04 dây hụi bà L còn nợ lại bà B là 183.000.000 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu đồng).

- Ngoài ra, ngày 30/4/2020, bà B có tham gia chơi hụi với tư cách là hụi viên do bà L làm chủ hụi cụ thể như sau:

+ Dây hụi thứ nhất: Hụi khui ngày 25/11/2019 dương lịch, giá hụi 2.000.000 đồng một tháng khui một lần vào ngày 25 dương lịch hàng tháng, gồm có 25 phần, bà B tham gia chơi 05 phần. Bà B đóng hụi sống đến lần thứ 14 thì hốt hụi với số tiền 126.000.000 đồng nhưng bà L chỉ đưa được cho bà B 46.000.000 đồng, còn nợ lại 80.000.000 đồng bà L hứa đóng lãi cho bà B với lãi suất 2%/ tháng. Chủ hụi hưởng huê hồng cho mỗi lần khui hụi là 800.000 đồng.

+ Dây hụi thứ hai: Hụi khui ngày 25/11/2019 dương lịch, giá hụi 2.000.000 đồng một tháng khui một lần vào ngày 25 dương lịch hàng tháng,

gồm có 20 phần, bà B tham gia chơi 05 phần. Bà B đóng hụi sống được 07 lần đến lần thứ 08 thì bà L không khui hụi nữa. Dây hụi này bà L còn nợ với số tiền 53.900.000 đồng. Chủ hụi hưởng huê hồng cho mỗi lần khui hụi là 800.000 đồng.

Tổng 02 dây hụi bà L còn nợ lại bà B với số tiền là 133.900.000 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng).

Như vậy số tiền bà L chưa đóng các dây hụi do bà B làm chủ hụi là 183.000.000 đồng và tiền bà B đã đóng các dây hụi do bà L làm chủ hụi là 133.900.000 đồng. Bà Trương Thị Bé B yêu cầu bà Trần Thị L và ông Võ Văn Bé E cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà B tổng cộng số tiền nợ hụi là 316.900.000 đồng (*Ba trăm mười sáu triệu, chín trăm nghìn đồng*), không yêu cầu tính lãi.

Ngày 16/12/2021, bà B có nộp cho Tòa án bản tường trình yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lai Vung chuyển hồ sơ cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Lai Vung để điều tra hành vi phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bà Trần Thị L.

Ngày 05/4/2022, bà B có nộp cho Tòa án văn bản không đồng ý hòa giải và yêu cầu Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, bà Trương Thị Bé B yêu cầu bà Trần Thị L và ông Võ Văn Bé E cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà B tổng cộng số tiền nợ hụi là 316.900.000 đồng (*Ba trăm mười sáu triệu, chín trăm nghìn đồng*), không yêu cầu tính lãi và yêu cầu trả một lần.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Trần Thị L trình bày:* Bà L thừa nhận đúng như lời trình bày của nguyên đơn là bà L có làm chủ hụi và còn nợ các dây hụi cụ thể:

+ Dây hụi thứ nhất: Hụi khui ngày 25/01/2019 âm lịch, giá hụi 5.000.000 đồng là hụi tháng, gồm có 28 phần, hụi khui một lần vào ngày 25 âm lịch hàng tháng, bà L tham gia chơi một phần. Bà L hốt hụi vào lần thứ 2 với số tiền 112.200.000 đồng (Một trăm mười hai triệu hai trăm nghìn đồng). Bà L đóng hụi chết đến lần thứ 25 thì còn nợ lại 03 lần chưa đóng với số tiền là 15.000.000 đồng. Chủ hụi hưởng huê hồng cho mỗi lần khui hụi là 2.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ hai: Hụi khui ngày 01/9/2019 âm lịch, giá hụi 10.000.000 đồng là hụi tháng, gồm có 20 phần, hụi khui một lần vào ngày 01 âm lịch hàng tháng, bà L tham gia chơi 01 phần. Bà L hốt hụi được 155.600.000 đồng. Sau đó, bà L đóng lại được 17 lần còn nợ lại 03 lần hụi nữa bà L chưa đóng với số tiền là 30.000.000 đồng. Chủ hụi hưởng huê hồng cho mỗi lần khui hụi là 4.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ ba: Hụi khui ngày 20/5/2020 âm lịch, giá hụi 5.000.000 đồng, một tháng khui một lần vào ngày 20 âm lịch hàng tháng, gồm có 26 phần, bà L tham gia chơi 01 phần. Bà L hốt hụi vào ngày 20/12/2020 với số tiền 102.000.000 đồng. Bà L đóng hụi đến lần thứ 08 thì không đóng nữa, còn nợ lại 18 lần chưa đóng với số tiền 90.000.000 đồng. Chủ hụi hưởng huê hồng cho mỗi lần khui hụi là 2.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ tư: Hụi khui ngày 01/4/2019 âm lịch, giá hụi 3.000.000 đồng một tháng khui một lần vào ngày 01 âm lịch hàng tháng, gồm có 30 phần, bà L tham gia chơi 02 phần. Bà L hốt hụi vào lần thứ 02 và lần thứ 05. Bà L đóng hụi đến lần thứ 22 thì không đóng nữa, còn nợ lại 08 lần chưa đóng của 02 phần hụi với số tiền 48.000.000 đồng. Chủ hụi hưởng huê hồng cho mỗi lần khui hụi là 1.200.000 đồng.

Tổng 04 dây hụi bà L còn nợ lại bà B là 183.000.000 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu đồng).

- Ngoài ra, ngày 30/4/2020, bà B có tham gia chơi hụi với tư cách là hụi viên do bà L làm chủ hụi cụ thể như sau:

+ Dây hụi thứ nhất: Hụi khui ngày 25/11/2019 dương lịch, giá hụi 2.000.000 đồng một tháng khui một lần vào ngày 25 dương lịch hàng tháng, gồm có 25 phần, bà B tham gia chơi 05 phần. Bà B đóng hụi sống đến lần thứ 14 thì hốt hụi với số tiền 126.000.000 đồng nhưng bà L chỉ đưa được cho bà B 46.000.000 đồng, còn nợ lại 80.000.000 đồng bà L hứa đóng lãi cho bà B với lãi suất 2%/ tháng. Chủ hụi hưởng huê hồng cho mỗi lần khui hụi là 800.000 đồng.

+ Dây hụi thứ hai: Hụi khui ngày 25/11/2019 dương lịch, giá hụi 2.000.000 đồng một tháng khui một lần vào ngày 25 dương lịch hàng tháng, gồm có 20 phần, bà B tham gia chơi 05 phần. Bà B đóng hụi sống được 07 lần đến lần thứ 08 thì bà L không khui hụi nữa. Dây hụi này bà L còn nợ với số tiền 53.900.000 đồng. Chủ hụi hưởng huê hồng cho mỗi lần khui hụi là 800.000 đồng.

Tổng 02 dây hụi bà L còn nợ lại bà B với số tiền là 133.900.000 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng).

Như vậy số tiền bà L chưa đóng các dây hụi do bà B làm chủ hụi là 183.000.000 đồng và tiền bà B đã đóng các dây hụi do bà L làm chủ hụi là 133.900.000 đồng. Nay bà L đồng ý cùng ông Bé E liên đới trả cho bà B tổng cộng số tiền nợ hụi là 316.900.000 đồng (*Ba trăm mười sáu triệu, chín trăm nghìn đồng*) nhưng đề nghị bà B cho thời gian để bà L từ từ làm việc có tiền trả nợ cũng như đợi bán đất lấy tiền trả nợ hụi cho bà B.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền L, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Bé E trình bày:

Ông Bé E với bà Trần Thị L là vợ chồng, ông thống nhất với trình bày của bà L, ông biết việc bà L làm chủ hụi, tham gia chơi hụi của bà B và nợ hụi của các hụi viên. Ông Bé E đồng ý cùng bà L liên đới trả tiền nợ hụi cho bà B số tiền là 316.900.000 đồng (*Ba trăm mười sáu triệu, chín trăm nghìn đồng*). Ông đề nghị bà B cho thời gian để ông cùng với bà L làm việc có tiền trả nợ cũng như đợi bán đất lấy tiền trả nợ hụi cho bà B.

- *Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm*:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên toà từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng tư cách đương sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên toà.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tiền nợ hụi theo biên nhận hụi nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng hụi" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Lai Vung nên Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Bé B đối với bà Trần Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng góp hụi giữa bà Trương Thị Bé B (tên thường gọi là Hai Chuột) với bị đơn bà Trần Thị L được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; các bên đều có đủ năng lực pháp luật và năng luật hành vi dân sự phù hợp với Điều 116,117 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đây là hợp đồng hợp pháp. Sau khi hốt các dây hụi do bà B làm chủ hụi, bà L đã không góp hụi lại cho bà B và bà B đã góp hụi sống các dây hụi do bà L làm chủ nhưng chưa tới thời gian mãn hụi thì bà L đã tuyên bố bể hụi, không

còn khả năng trả tiền nợ hụi mà bà B đã góp trước đó. Vì vậy, bà L đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã giao kết, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà B.

Ngày 11/01/2022, Tòa án nhân dân huyện Lai Vung đã ban hành công văn số 05/CV-TA yêu cầu Công an huyện Lai Vung xác minh, làm rõ hành vi của bà Trần Thị L có dấu hiệu phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (thông qua hình thức hụi) theo yêu cầu của nguyên đơn bà Trương Thị Bé B hay không? Ngày 07/3/2022, Công an huyện Lai Vung đã có công văn số 172/TL-ĐTTH trả lời phúc đáp công văn số 05/CV-TA của Tòa án là hành vi của bà Trần Thị L không có dấu hiệu của tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lai Vung tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào giấy ghi xác nhận nợ tiền hụi ngày 15/3/2021 có nội dung bà Trần Thị L có thiếu tiền hụi của chị Hai Chuột (Trương Thị Bé B) số tiền là 316.900.000 đồng có chữ ký tên và ghi họ tên của bà Trần Thị L được nguyên đơn bà Trương Thị Bé B cung cấp và đã được Tòa án công khai chứng cứ sao chụp cho bị đơn Trần Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn Bé E. Bà L và ông Bé E thừa nhận đây là giấy xác nhận nợ tiền hụi do bà Trần Thị L tự viết xác nhận còn nợ tiền hụi, ký tên và ghi họ tên. Đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà L và ông Bé E đồng ý trả cho bà B số tiền 316.900.000 đồng (*Ba trăm mười sáu triệu, chín trăm nghìn đồng*) nhưng đề nghị bà B cho thời gian để bà L từ từ làm việc có tiền trả nợ cũng như đợi bán đất lấy tiền trả nợ hụi cho bà B và yêu cầu này không được bà B chấp nhận. Do đó, bà B yêu cầu bà Trần Thị L có trách nhiệm trả cho bà B số tiền nợ hụi 316.900.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 280 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Xét yêu cầu của bà Trương Thị Bé B về việc yêu cầu buộc trách nhiệm liên đới giữa bà Trần Thị L và ông Võ Văn Bé E, Hội đồng xét xử xét thấy: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Bé E là chồng của bị đơn không trực tiếp giao dịch góp hụi của nguyên đơn, nhưng ông Bé E biết việc bà L làm chủ hụi, tham gia góp hụi và tiền hụi dùng để sử dụng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên ông Bé E thống nhất với trình bày của bà L và đồng ý cùng bà L liên đới trả tiền nợ hụi cho bà B số tiền 316.900.000 đồng. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà Trần Thị L và ông Võ Văn Bé E chịu trách nhiệm liên đới đối với số tiền nợ hụi 316.900.000 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Bà B không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Trần Thị L và ông Võ Văn Bé E phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Xét lời phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 280 và Điều 471, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Trương Thị Bé B.

Buộc bà Trần Thị L và ông Võ Văn Bé E cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trương Thị Bé B số tiền nợ hụi là 316.900.000 đồng (*Ba trăm mười sáu triệu, chín trăm nghìn đồng*).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Buộc bà Trần Thị L và ông Võ Văn Bé E cùng có trách nhiệm liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 15.845.000 đồng (*Mười lăm triệu, tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) (Chưa nộp).

- Bà Trương Thị Bé B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà B được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.922.500 đồng (*B triệu, chín trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0005827 ngày 08/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 04/5/2022.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng